

Phòng GD&ĐT TP hội An Trường: THCS Phan Bội Châu Họ và tên:..... Lớp:8/.....SBD:.....	ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ HỌC KỲ I Năm học: 2020 – 2021 MÔN: Toán 8 Thời gian: 60 phút (Không kể thời gian giao đề) Ngày kiểm tra:.....
<u>ĐIỂM</u>	<u>NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN</u>

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM: (15 câu = 5 điểm) (Học sinh làm phần này trong 15 phút)

Khoanh tròn trước đáp án đúng nhất.

Câu 1. Kết quả của phép tính $x(x + y)$ bằng:

- A) $2x + y$; B) $x^2 + y$; C) $xy + y^2$; D) $x^2 + xy$

Câu 2. Kết quả của phép tính $x^2(5x^3 - x - \frac{1}{2})$ bằng :

- A) $5x^6 - x^3 - \frac{1}{2}x^2$ B) $5x^5 - x^3 - \frac{1}{2}x$ C) $5x^5 - x^3 - \frac{1}{2}x^2$ D) $5x^5 - x^2 - \frac{1}{2}x^2$

Câu 3. Kết quả của phép tính $(x-1)(x+1)$ bằng

- A) $2x + 1$; B) $x^2 - 1$; C) $-2x + 1$; D) $x^2 + x + 1$

Câu 4. Kết quả của phép tính $(xy - 1)(xy + 5)$ bằng :

- A) $x^2y^2 + 4xy - 5$; B) $2x^2y^2 + 4xy - 5$; C) $xy + y^2$; D) $x^2y^2 - 4xy - 5$

Câu 5. Chọn kết quả điền vào (...) của $(x + 4)^2 = 16 + \dots + x^2$

- A) $8x$; B) $4x$; C) $16x$; D) $2x$

Câu 6. Chọn kết quả điền vào (...) của $x^3 + 1^3 = (x + 1)(x^2 \dots + 1)$

- A) $-x$; B) $+2x$; C) $+x$; D) $+x^3$

Câu 7. Phân tích đa thức thành nhân tử biểu thức sau: $x^2 - x$ bằng

- A) $x(x + 1)$; B) $x^2(1-x)$; C) $x(1-x)$; D) $x(x - 1)$

Câu 8. Phân tích đa thức thành nhân tử biểu thức sau: $x^2 - 4y^2$ bằng :

- A) $(x + y)(x - 2y)$; B) $(x + 2y)(x - 2y)$; C) $(2x + y)(2x - y)$; D) $(x - y)(x - 2y)$

Câu 9. Tìm x biết : $3x^2 - 6x = 0$

- A) $x = 3$ hoặc $x = 6$; B) $x = 0$; C) $x = 0$ hoặc $x = 2$; D) $x = 2$

Câu 10. Cho tứ giác ABCD, trong đó có $\hat{A} + \hat{B} = 140^\circ$. Khi đó, tổng $\hat{C} + \hat{D} = ?$

- A). 160° B). 220° C). 200° D). 150°

Câu 11: Hình thang ABCD trở thành hình thang cân khi

- A) hai đường chéo bằng nhau ; B) hai góc bằng nhau ;
 C) hai cạnh bên bằng nhau ; D) hai góc đối bằng nhau

Câu 12. Tam giác ABC có $MA=MB$, $NA=NC$, $BC=6$ cm thì MN có số đo bằng

- A) 12cm ; B) 4cm ; C) 3cm ; D) 6 cm

Câu 13: Độ dài đáy lớn của một hình thang bằng 16 cm, đáy nhỏ 14 cm. Độ dài đường trung bình của hình thang đó là:

- A). 32 cm B). 15 cm C). 16 cm D). 8 cm

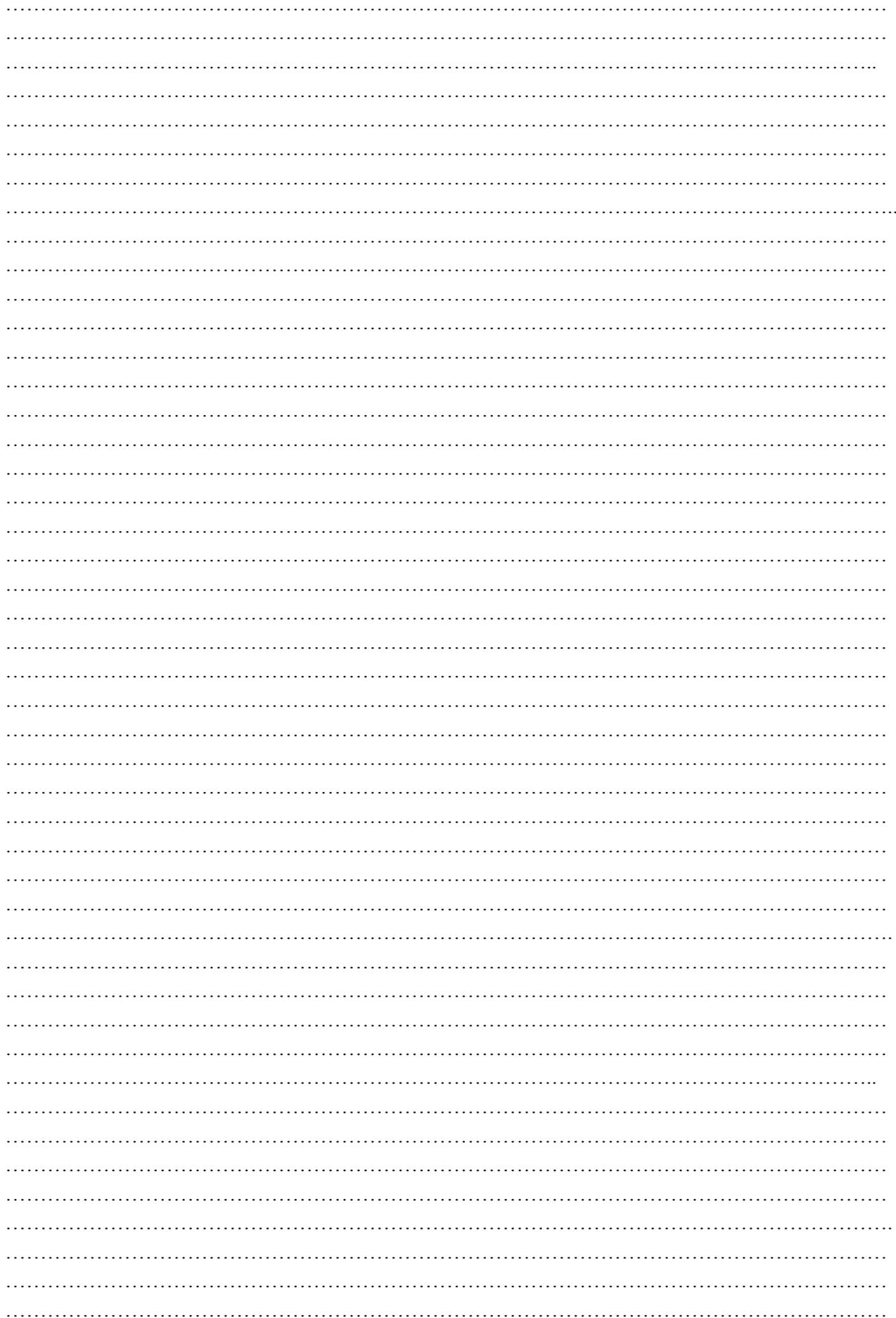
Câu 14: Tứ giác có hai đường chéo cắt nhau tại trung điểm mỗi đường là:

- A) Hình thang vuông ; B) Hình bình hành ; C) Hình thang ; D) Hình thang cân

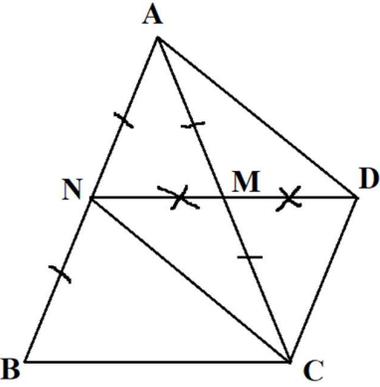
Câu 15: Hình nào có trục đối xứng:

- A) Tứ giác ; B) Hình bình hành ; C) Hình thang ; D) Hình thang cân

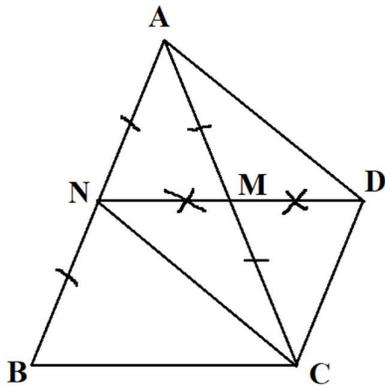
-----Hết-----



ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM – Toán 8(giữa kì 1)(2020-2021)

ĐÁP ÁN						Thang điểm
A. TRẮC NGHIỆM						5 điểm
Khoanh tròn đáp án đúng						Mỗi đáp án đúng được 0,(3) điểm: 0,(3) điểm x 15 = 5 điểm
Câu	1	2	3	4	5	
Đáp án	D	C	B	A	A	
Câu	6	7	8	9	10	
Đáp án	A	D	B	C	B	
câu	11	12	13	14	15	
Đáp án	A	C	B	B	D	
B. TỰ LUẬN						5 điểm
Bài 1						1,25 điểm
a) $A = a^2 + 2a + 1 = (a + 1)^2$ giá trị biểu thức $A = 10000$						0,25đ 0,25đ
b)) Rút gọn biểu thức $B = (a + b)^3 - (a - b)^3 - 2b^3$ $= a^3 + 3a^2b + 3ab^2 + b^3 - a^3 + 3a^2b - 3ab^2 + b^3 - 2b^3$ $= 6a^2b.$						0,5 đ 0,25đ
Bài 2						0,75 điểm
$2x - xy - y + 2 = (2x - xy) - (y - 2)$ $= x(2 - y) + (2 - y)$ $= (2 - y).(x + 2)$						0,25đ 0,25đ 0,25đ
Bài 3						3,0 điểm
						(0,5đ)
Hình vẽ: (0,5đ)						
a) Giải :						0,25đ
$\Rightarrow MN$ là đường trung bình						
$\Rightarrow MN$ song song BC						0,25đ
$\Rightarrow NMCB$ là hình thang						0,25đ
Có 2 góc kề đáy BC bằng nhau $\Rightarrow NMCB$ hình thang cân						0,25đ

<p>b) Giải: $MA=MC, MN=MD$ $\Rightarrow ADCN$ là hình bình hành</p>	<p>0,25đ 0,25đ</p>
<p>c) Giải:</p> <ul style="list-style-type: none"> - cm AB song song $DC \Rightarrow ADCB$ là hình thang 0,25đ - góc $NAD =$ góc NCD và cm $NDCB$ là hbh đẽ \Rightarrow góc $NBC =$ góc NDC 0,25đ - từ góc $ADN =$ góc $DNC =$ góc NCB(slt) \Rightarrow góc $AND =$ góc NCB 0,25đ - tính góc $ADC =$ góc $BCD \Rightarrow$ hình thang cân 0,25đ 	



BẢNG ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2020 – 2021
MÔN: TOÁN 8 -THỜI GIAN: 60 PHÚT

Cấp độ Chủ đề	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng		Tổng
			Thấp	Cao	
1. Phép nhân đa thức và những hằng đẳng thức đáng nhớ	Biết thực hiện phép nhân đơn thức với đa thức, nhân hai đa thức đơn giản. Biết khai triển các hằng đẳng thức đáng nhớ đơn giản	Hoàn chỉnh hằng đẳng thức. Áp dụng hằng đẳng thức để tính giá trị biểu thức.	Vận dụng phép nhân đơn thức với đa thức, nhân hai đa thức và hằng đẳng thức đáng nhớ để rút gọn biểu thức.		
Số câu	5	2	1		8
2. Phân tích đa thức thành nhân tử.	Biết phân tích đa thức thành nhân tử đơn giản nhất	Áp dụng phương pháp đặt nhân tử chung hoặc dùng hằng đẳng thức vào việc phân tích đa thức thành nhân tử. Áp dụng phân tích đa thức thành nhân tử để giải bài toán tìm x.	Vận dụng các phương pháp đặt nhân tử chung, dùng hằng đẳng thức, nhóm hạng tử vào việc phân tích đa thức thành nhân tử.		
Số câu	1	2	1		4
3. Tứ giác (tứ giác, hình thang, hình thang cân, hình bình hành); Đường trung bình của tam giác, đường trung bình của hình thang; phép đối xứng trục.	Biết khái niệm, tính chất, dấu hiệu nhận biết của các tứ giác. Biết tính chất đường trung bình của tam giác, đường trung bình của hình thang. Biết trục đối xứng của một hình, hình có trục đối xứng.	Hiểu tính chất tứ giác (hình thang, hình thang cân, hình bình hành), tính chất đường trung bình của tam giác. Áp dụng được dấu hiệu nhận biết các tứ giác nói trên. Vẽ hình chính xác theo yêu cầu.	Vận dụng được định nghĩa, tính chất, dấu hiệu nhận biết của các tứ giác để giải toán.	Vận dụng linh hoạt các tính chất hình học vào giải toán.	
Số câu	6	2	1	1	10
TS câu	12	6	3	1	22
TS điểm	4.0	3.0	2.0	1.0	10
Tỉ lệ	40%	30%	20%	10%	100%